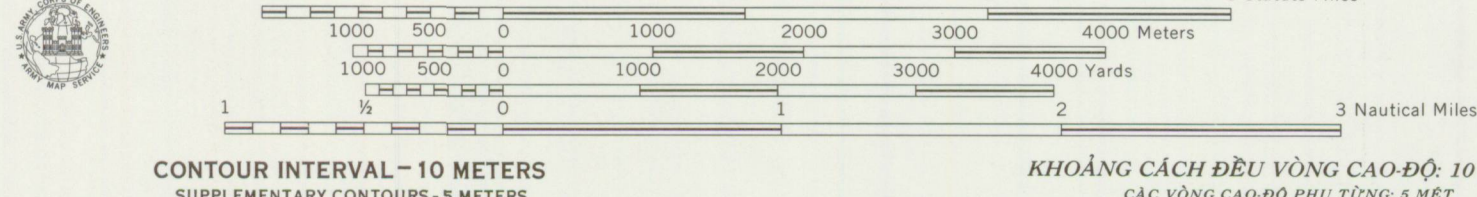


TÂN PHƯỚC KHANH 3.5 KM.

26
25

22
21
20
19
18

[illegible]

GRID ... 1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)	KHOẢNG CÁCH ĐƯỜNG ...	UTM TỪNG 1,000 MÉT: KHU
PROJECTION.....TRANSVERSE MERCATOR	ĐƯỜNG ...	(NHỮNG ĐƯỜNG ...)
VERTICAL DATUM.....MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIỀN	HỆ THỐNG CHIẾU ...	MẶT BẰNG TRUNG BÌNH
HORIZONTAL DATUM.....INDIAN DATUM 1960	BÌNH DIỆN CHUẨN ...	HỆ THỐNG TRẮC CẦU CHUẨN ...

PREPARED BY..... AMS (PV), U.S. ARMY 1966
NAMES DATA BY..... NGS, VIETNAM
CONTROL BY..... USAMSF, NGS, VIETNAM
PRINTED BY..... AMS (DZ), U.S. ARMY

NHỮNG SỰ SỬA ĐỔI TRONG BẢN ĐỒ NÀY ĐẾN NHA ĐẠA-DỰ QUỐC GIA, DÀLAT, VIỆT NAM

GLOSSARY—CO-TU		HỘI-TU ĐƯỜNG KẾ Ở QUẢNG TỈNH Ở TRUNG-TÂM BAN-ĐỒ	ĐẶC BIỆT
		0°22' (7 MILES/MIL)	
fô.....	village		
Bà.....	hill		
Bão.....	pond, swamp		
Bàu.....	pond, swamp		
Bến.....	landing		
Cầu.....	bridge		
Cù Lao.....	island, islet		
Dồn Điền.....	plantation		
Khu-Trà-Mặt.....	Agroville		
Núi.....	hill, mountain		
Sông, Suối.....	stream		
Thác.....	rapids		
X, Xã, Xã.....	village		
Yên, Yên, Yên.....	village		

